

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ - BỘ TÀI CHÍNH

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ - CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
BỘ TÀI CHÍNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2014/TTLT-BKHĐT-BTC

Hà Nội, ngày 12 tháng 02 năm 2014

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH

Hướng dẫn lồng ghép các nguồn vốn thực hiện Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn các huyện nghèo

Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo;

Căn cứ Quyết định số 2406/QĐ-TTg ngày 18 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2012 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 826/QĐ-TTg ngày 29 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 2406/QĐ-TTg ngày 18 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2012 - 2015 và các Quyết định ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2012 - 2015;

Thực hiện Quyết định số 615/QĐ-TTg ngày 25 tháng 4 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho 07 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo

quy định của Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo;

Thực hiện Quyết định số 293/QĐ-TTg ngày 05 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho 23 huyện có tỷ lệ hộ nghèo cao được áp dụng cơ chế, chính sách đầu tư cơ sở hạ tầng theo quy định của Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo;

Thực hiện Quyết định số 1791/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ bổ sung huyện Nậm Nhùn, tỉnh Lai Châu; huyện Nậm Pồ, tỉnh Điện Biên vào danh mục các huyện nghèo được hưởng các cơ chế, chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo.

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành thông tư liên tịch hướng dẫn lồng ghép các nguồn vốn thực hiện Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ, Quyết định số 615/QĐ-TTg ngày 25 tháng 4 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ, Quyết định số 293/QĐ-TTg ngày 05 tháng 5 năm 2013 và Quyết định số 1791/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn các huyện nghèo).

Điều 1. Đối tượng áp dụng

1. Các tỉnh có huyện nghèo, các huyện nghèo được quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo thông tư liên tịch này (sau đây gọi tắt là huyện nghèo).
2. Các chương trình, dự án, chế độ, chính sách, nhiệm vụ chi và hỗ trợ khác trên địa bàn các huyện nghèo.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Các nguồn vốn và kinh phí thực hiện các chương trình, dự án, chế độ, chính sách, nhiệm vụ đối với Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn các huyện nghèo từ: vốn ngân sách nhà nước, vốn trái phiếu chính phủ, vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ, vốn tín dụng Nhà nước, vốn hỗ trợ, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác.

Điều 3. Nguyên tắc lồng ghép

1. Lồng ghép các nguồn vốn trên địa bàn để thực hiện một hoặc nhiều chương trình, dự án, chế độ, chính sách, nhiệm vụ chi.

2. Việc thực hiện lồng ghép các nguồn vốn được thể hiện cụ thể, xác định thứ tự ưu tiên trong dự toán ngân sách và kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm của huyện, tỉnh, phù hợp với Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn các huyện nghèo được phê duyệt.

3. Việc lồng ghép các nguồn vốn được thực hiện từ khâu lập, phân bổ, giao dự toán ngân sách và kế hoạch đầu tư phát triển, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá kết quả.

4. Trong quá trình thực hiện lồng ghép các nguồn vốn phải đảm bảo nguyên tắc không làm thay đổi mục tiêu, tổng mức vốn đầu tư phát triển, tổng mức kinh phí sự nghiệp được giao. Đối với các chế độ, tiêu chuẩn, định mức liên quan đến con người, hộ gia đình phải đảm bảo đủ kinh phí, thực hiện theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức và không được sử dụng nguồn kinh phí này để thực hiện cho các mục tiêu, nhiệm vụ khác.

5. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm ưu tiên, bố trí đủ các nguồn vốn do tỉnh quản lý trong kế hoạch hàng năm và kế hoạch trung hạn cho các huyện nghèo trong tổng mức vốn được phê duyệt để thực hiện Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn các huyện nghèo. Ủy ban nhân dân huyện nghèo có trách nhiệm huy động các nguồn lực của địa phương, các đơn vị, tổ chức, cá nhân và lồng ghép nguồn vốn, kinh phí các chương trình, dự án, nhiệm vụ, chế độ, chính sách khác trên địa bàn để thực hiện chương trình.

6. Nguồn vốn ngân sách Nhà nước (vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp) thực hiện Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn các huyện nghèo được bố trí trong dự toán ngân sách và kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm theo nguyên tắc:

a) Đối với các chương trình, dự án, chế độ, chính sách, nhiệm vụ chi theo quy định hiện hành được bố trí trong dự toán ngân sách và kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm của địa phương;

b) Đối với các chương trình, dự án, chế độ, chính sách, nhiệm vụ chi đang thực hiện nhưng quy định tại Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn các huyện nghèo áp dụng mức cao hơn, đối tượng rộng hơn thì bố trí nguồn kinh phí thông qua các chương trình, dự án, mục tiêu, nhiệm vụ đó theo định mức quy định tại Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn các huyện nghèo, trong đó phần kinh phí cho các huyện nghèo được tách thành mục riêng;

c) Đối với các chương trình, dự án, chế độ, chính sách, nhiệm vụ chi mới theo quy định tại Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn các huyện nghèo được bố trí từ nguồn vốn thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững hoặc Ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu theo quy định áp dụng đối với từng huyện nghèo.

Điều 4. Xây dựng, tổng hợp, quyết định giao dự toán ngân sách, kế hoạch đầu tư phát triển và chế độ báo cáo

1. Thời gian xây dựng, tổng hợp dự toán ngân sách và kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm của Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn các huyện nghèo được tiến hành đồng thời với thời gian lập dự toán ngân sách và kế hoạch đầu tư phát triển chung của cấp huyện và cấp tỉnh; được báo cáo và giao thành một mục riêng theo quy định tại Khoản 6, Điều 3 của Thông tư này.

2. Hàng năm, căn cứ hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách và kế hoạch đầu tư phát triển, các mục tiêu và nhiệm vụ ưu tiên của Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững, Ủy ban nhân dân huyện tổng hợp nhu cầu, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh để báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành liên quan làm căn cứ bố trí kinh phí thực hiện chương trình.

3. Quyết định giao dự toán ngân sách và kế hoạch đầu tư phát triển hàng năm

3.1. Căn cứ dự toán ngân sách và kế hoạch đầu tư phát triển được Thủ tướng Chính phủ giao, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định dự toán ngân sách địa phương, kế hoạch đầu tư phát triển và phương án phân bổ trong đó có các huyện nghèo. Căn cứ nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh giao dự toán ngân sách và kế hoạch đầu tư phát triển cho các huyện nghèo

3.2. Căn cứ dự toán ngân sách và kế hoạch đầu tư phát triển được Ủy ban nhân dân tỉnh giao, Ủy ban nhân dân huyện trình Hội đồng nhân dân huyện quyết định dự toán ngân sách địa phương, kế hoạch đầu tư phát triển và phương án phân bổ trong đó có dự toán ngân sách xã. Ủy ban nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân xã quyết định dự toán thu, chi ngân sách xã. Trường hợp các huyện nghèo thực hiện thí điểm không tổ chức Hội đồng nhân dân các cấp, việc lập, quyết định và giao dự toán theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2009/TT-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2009 của Bộ Tài chính Quy định về công tác lập dự toán, tổ chức thực hiện dự toán và quyết toán ngân sách huyện, quận, phường nơi không tổ chức Hội đồng nhân dân.

3.3. Ủy ban nhân dân huyện căn cứ dự toán ngân sách và kế hoạch đầu tư phát triển được giao, các nguồn huy động theo quy định của pháp luật trên địa bàn, các chương trình, dự án đủ thủ tục, chế độ, chính sách, nhiệm vụ chi theo quy định tiến hành xác định những mục tiêu, nội dung, phạm vi, đối tượng để thực hiện việc phối hợp, lồng ghép.

3.4. Ủy ban nhân dân xã thông báo và duy trì thông tin công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã mức đầu tư cho từng công trình, dự án, nhiệm vụ và mức hỗ trợ cho từng đối tượng theo từng chính sách, chế độ, nhiệm vụ chi được hỗ trợ theo quy định, đồng thời định kỳ hàng quý thông báo đến thôn, bản và các hộ dân;

4. Việc lồng ghép các nguồn vốn, kinh phí trên địa bàn để thực hiện Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững trên địa bàn các huyện nghèo phải tuân

thủ các quy định về mục tiêu, nhiệm vụ của từng chương trình, dự án, chế độ, chính sách và nhiệm vụ chi; đảm bảo đúng đối tượng và địa bàn ưu tiên.

5. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm định kỳ (6 tháng, năm) báo cáo Thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình giảm nghèo Trung ương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quy định. Nội dung báo cáo gồm kết quả phân bổ dự toán ngân sách, kế hoạch đầu tư phát triển, kết quả lồng ghép (bao gồm cả kế hoạch đầu năm và kế hoạch điều chỉnh), tiến độ và tình hình thực hiện.

Các Bộ, cơ quan trung ương định kỳ (6 tháng, năm) báo cáo Thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình giảm nghèo Trung ương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính dự toán ngân sách và tình hình thực hiện các công trình, dự án, nhiệm vụ do Bộ, cơ quan trung ương quản lý trên địa bàn các huyện nghèo.

Điều 5. Đối tượng hỗ trợ vốn đầu tư phát triển và kinh phí sự nghiệp

1. Đối tượng hỗ trợ vốn đầu tư phát triển

1.1. Ưu tiên đầu tư cho các đối tượng sau đây

a) Các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội (theo điểm 2, khoản D, mục II, Phần II, Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP; Điều 2, Quyết định số 615/QĐ-TTg ngày 25/4/2011 và Quyết định số 293/QĐ-TTg ngày 05/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ);

b) Chính sách hỗ trợ giao rừng sản xuất và giao rừng và giao đất để trồng rừng sản xuất (quy định tại tiết b và c, điểm 1, khoản A, mục II, phần II, Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP);

c) Chính sách hỗ trợ sản xuất đối với vùng còn đất có khả năng khai hoang, phục hóa hoặc tạo ruộng bậc thang để sản xuất nông nghiệp (quy định tại tiết b, điểm 2, khoản A, mục II, phần II, Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP);

d) Chính sách cho vay ưu đãi lãi suất.

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay tại ngân hàng thương mại nhà nước cho hộ nghèo để trồng rừng sản xuất (quy định tại tiết c, điểm 1, khoản A, mục II, phần II, Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP).

- Ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay tại ngân hàng thương mại nhà nước để phát triển sản xuất nông nghiệp, đầu tư cơ sở chế biến, bảo quản và tiêu thụ nông sản (quy định tại tiết d, điểm 2, khoản A, mục II, phần II, Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP).

- Hộ nghèo được vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội tối đa 05 triệu đồng/hộ với lãi suất 0% (một lần) trong thời gian 2 năm để mua giống gia súc (trâu, bò, dê) hoặc giống gia cầm chăn nuôi tập trung hoặc giống thủy sản; Đối với hộ không có điều kiện chăn nuôi mà có nhu cầu phát triển ngành nghề tiểu, thủ công nghiệp tạo thu nhập được vay vốn tối đa 05 triệu đồng/hộ, với lãi suất 0% một lần (quy định tại tiết đ, điểm 2, khoản A, mục II, phần II, Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP).